

Số: 1004/2020/QĐST-HNGĐ

Tân phú, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 907/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần C., sinh năm: 1963;
Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Bà Châu Thị Bích Th., sinh năm: 1964;
Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần C. và bà Châu Thị Bích Th..

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần C. và bà Châu Thị Bích Th. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần C. và bà Châu Thị Bích Th., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 43, quyển số 01/2001, ngày 20/6/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường A., Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Ông Trần C. và bà Châu Thị Bích Th. có 03 (ba) con chung là Trần Thị Phương Th2., sinh ngày 28/02/1984; Trần Thị Phương T., sinh ngày 12/9/1986 và Trần Bình A., sinh ngày 09/6/1999. Con chung Trần Thị Phương Th2.,

sinh ngày 28/02/1984 đã chết do bệnh ngày 13/3/2014. Các con chung Trần Thị Phương T., sinh ngày 12/9/1986 và Trần Bình A., sinh ngày 09/6/1999 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Ông C. và bà Th. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về các vấn đề khác: Ông C. và bà Th. cùng xác nhận không có nợ chung.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do ông Trần C. tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Trần C. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0071178, ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần C. đã nộp đủ án phí. Hoàn trả số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai trên cho ông Trần C..

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài